

Số: 228/2026/QĐST-HNGĐ

Quảng Ninh, ngày 22 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 212; Điều 213; khoản 2 Điều 149 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2026, về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị **Vũ Thùy L**; sinh năm: 1983; nơi thường trú: **tổ C, khu phố T, phường H, tỉnh Quảng Ninh**; nơi ở hiện tại: **tổ E, khu D, phường C, tỉnh Quảng Ninh**.

- Anh **Vũ C**; sinh năm: 1982; nơi thường trú: **tổ C, khu phố T, phường H, tỉnh Quảng Ninh**; nơi ở hiện tại: **tổ E, khu D, phường C, tỉnh Quảng Ninh**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị **Vũ Thùy L** và anh **Vũ C** kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 11/01/2010 tại **Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh** (nay là nay là **Ủy ban nhân dân phường H, tỉnh Quảng Ninh**). Trước khi kết hôn có thời gian tìm hiểu 02 năm. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại **tổ E, khu D, phường C, tỉnh Quảng Ninh**. Đến khoảng tháng 02/2026 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm, lối sống, không tôn trọng nhau, hai bên không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng. Chị **L**,

anh **C** đã tự tìm cách giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng đều không có kết quả. Đến thời điểm hiện tại hai bên đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn. Xét thấy, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: chị **Vũ Thùy L** và anh **Vũ C** có 03 con chung là **Vũ Hương G**; sinh ngày: 16/09/2010; **Vũ Bảo H**; sinh ngày: 11/09/2013; **Vũ Hà N**; sinh ngày 01/03/2021. Các đương sự cùng thống nhất: chị **Vũ Thùy L** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung **Vũ Hương G**, **Vũ Hà N** kể từ khi ly hôn cho đến khi từng con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh **Vũ C** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung **Vũ Bảo H** kể từ khi ly hôn cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị **Vũ Thùy L** và anh **Vũ C** không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: chị **Vũ Thùy L** và anh **Vũ C** xác định không có tài sản chung, không có khoản nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: chị **Vũ Thùy L** và anh **Vũ C** thỏa thuận: chị **Vũ Thùy L** chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị **Vũ Thùy L** và anh **Vũ C** thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: chị **Vũ Thùy L** và anh **Vũ C** xác nhận có 03 con chung là **Vũ Hương G**; sinh ngày: 16/09/2010; **Vũ Bảo H**; sinh ngày: 11/09/2013; **Vũ Hà N**; sinh ngày 01/03/2021. Chị **Vũ Thùy L** là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung **Vũ Hương G** và **Vũ Hà N** kể từ ngày 22/5/2026 cho đến khi từng con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh **Vũ C** là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung **Vũ Bảo H** kể từ ngày 22/5/2026 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị **Vũ Thùy L** và anh **Vũ C** không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: chị **Vũ Thùy L** và anh **Vũ C** xác định không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: chị **Vũ Thùy L** tự nguyện chịu toàn bộ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự; được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị **L** đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí 0001572 ngày 14/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Chị **Vũ Thùy L** đã nộp đủ tiền lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND khu vực 1 – Quảng Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Quyền